

Số:192/2023/QĐ-CNTTLH

Bắc Quang, ngày 17 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ vào các Điều 32, Điều 33, Điều 34 và Điều 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị **Lý Thị B** và anh **Lộc Văn T** về quan hệ hôn nhân, về việc nuôi con chung.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 9 năm 2023; về việc yêu cầu ly hôn của chị **Lý Thị B**, sinh năm 2000. Địa chỉ: **Thôn M, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang**

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải **ngày 02 tháng 10 năm 2023** về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

+ Người khởi kiện: Chị **Lý Thị B**, sinh năm 2000
Địa chỉ: **Thôn M, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang**

+ Người bị kiện: Anh **Lộc Văn T**, sinh năm 1991
Địa chỉ: **Thôn M, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang**

Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải **ngày 02 tháng 10 năm 2023** có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải **ngày 02 tháng 10 năm 2023**, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lý Thị B** và anh **Lộc Văn T** tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có một con chung là cháu **Lộc Quốc K**, sinh ngày 30/7/2018. Khi ly hôn, chị **Lý Thị B** và anh **Lộc Văn T** thống nhất thỏa thuận giao cháu **Lộc Quốc K**, sinh ngày 30/7/2018 cho anh **T** được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **K** cho đến khi cháu **K** đủ 18 tuổi, chị **B** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **K** với mức cấp dưỡng là 1.000.000đ(một triệu đồng)/tháng, kể từ ngày 01/11/2023 cho đến khi cháu **K** đủ 18 tuổi, theo phương thức định kỳ hàng tháng, người nhận tiền cấp dưỡng nuôi cháu **K** là anh **T**.

Số tiền nói trên, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi của con chung, sau này anh, chị có quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con và người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản, công nợ chung: Chị **Lý Thị B** và anh **Lộc Văn T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Các bên tham gia hòa giải;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Quang Minh(Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Hồng